

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/TCDS-ST  
Ngày: 08-7-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:** ông Phan Mạnh Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST - TCDS ngày 10/02/2020 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - TCDS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Doanh nghiệp tư nhân Th; địa chỉ: thôn B, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Phi Nh - Giám đốc doanh nghiệp; địa chỉ: thôn B, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019): ông Đặng Văn Q; địa chỉ: tổ 5 khu vực 2, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

*Bị đơn:* Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A; địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn N- Giám đốc công ty; địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2019 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/02/2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn Q trình bày:*

Từ tháng 3 năm 2018, Doanh nghiệp tư nhân Th có nhận dịch vụ làm san lấp mặt bằng cho Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A tại khu vực trung tâm cửa khẩu Quốc tế La Lay, huyện ĐăkRông, tỉnh Quảng Trị (hai bên không lập hợp đồng). Sau khi công việc hoàn thành, ngày 30/4/2018, hai bên đã lập Biên bản nghiệp thu thanh toán và đã xác định khối lượng, đơn giá và tính thành tiền, theo đó tổng trị giá công việc mà Doanh nghiệp tư nhân Th đã thi công được tính thành tiền là 287.198.506 đồng. Trong đó, Doanh nghiệp tư nhân Th đã ứng trước số tiền 105.671.064 đồng. Nhưng mãi đến ngày 10/4/2019, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A mới trả cho Doanh nghiệp tư nhân Th số tiền 10.000.000 đồng và hẹn sẽ trả hết số tiền còn lại sau 30 ngày nhưng kể từ ngày 10/4/2019 đến nay, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A chưa thanh toán số tiền còn lại cho Doanh nghiệp tư nhân Th, mặc dù Doanh nghiệp tư nhân Th đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Do đó, Doanh nghiệp tư nhân Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình giải quyết, buộc Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A trả khoản nợ gốc 171.527.442 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2020 là 02 năm, 02 tháng 08 ngày, tính tròn là 26 tháng, như vậy tiền lãi mà Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A phải trả là  $171.527.442 \text{ đồng} \times 26 \text{ tháng} \times 10\% / 12 \text{ tháng} = 37.015.622 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 208.543.064 đồng. Ngoài ra, Doanh nghiệp tư nhân Th còn yêu cầu phía bị đơn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong khoản nợ theo quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phía bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn được trả nợ gốc theo lộ trình mỗi năm trả một ít và không trả tiền lãi; nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên.

*Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Trần Văn N trình bày:*

Ông N công nhận tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A có thuê Doanh nghiệp tư nhân Th san lấp mặt bằng tại khu vực trung tâm cửa khẩu Quốc tế La Lay, huyện ĐăkRông, tỉnh Quảng Trị. Sau khi công việc hoàn thành, ngày 30/4/2018, hai bên đã lập Biên bản nghiệp thu thanh toán và đã xác định số tiền mà Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân Th là 287.198.506 đồng. Trong đó, Doanh nghiệp tư nhân Th đã ứng trước số tiền 105.671.064 đồng như lời khai của phía nguyên đơn là đúng. Đến ngày 10/4/2019, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A đã trả cho Doanh

ng nghiệp tư nhân Th số tiền 10.000.000 đồng và hẹn sẽ trả hết số tiền còn lại sau 30 ngày nhưng kể từ ngày 10/4/2019 đến nay, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A làm ăn khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh nên chưa thanh toán số tiền còn lại cho Doanh nghiệp tư nhân Th. Hiện Doanh nghiệp tư nhân Th yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A trả khoản nợ gốc 171.527.442 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày 08/7/2020 là 37.015.622 đồng thì phía Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A đồng ý trả cho Doanh nghiệp tư nhân Th số tiền gốc 171.527.442 đồng và xin trả theo lộ trình mỗi năm một ít, vì bây giờ Công ty rất khó khăn, không có tiền để trả, còn số tiền lãi thì trước hết xin phía Doanh nghiệp tư nhân Th không tính lãi, nếu Doanh nghiệp tư nhân Th không đồng ý thì phía Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A không chấp nhận trả lãi vì làm ăn xưa nay không ai tính lãi như thế bao giờ.

*Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Bồ Trách phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 468, 513; 514; 515; 518 và 519 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 08/7/2020 là 208.543.064 đồng; về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân Th có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A, xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có trụ sở tại tiểu khu 3, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng:

Tuy Doanh nghiệp tư nhân Th khi nhận làm dịch vụ san lấp mặt bằng cho Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A thì hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ có hợp đồng bằng miệng nhưng khi công việc hoàn thành, ngày 30/4/2018, hai bên đã lập Biên bản nghiệm thu thanh toán và đã xác định được khối lượng thực hiện, đơn giá và tính thành tiền mà phía Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân Th số tiền là 287.198.506 đồng nhưng Doanh nghiệp tư nhân Th đã ứng trước số tiền 105.671.064 đồng, số tiền còn lại là 181.527.442 đồng. Biên bản nghiệm thu thanh toán do hai bên lập có xác nhận và đóng dấu. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực pháp luật dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản là phù hợp với pháp luật về “Hợp đồng dịch vụ” được quy định tại các Điều 513, 514 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý. Do đó Biên bản nghiệm thu thanh toán có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 171.527.442 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày 08/7/2020 là 37.015.622 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 208.543.064 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Biên bản nghiệm thu thanh toán ngày 30/4/2018 có hiệu lực thi hành, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên việc Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A chưa trả số nợ trên cho Doanh nghiệp tư nhân Th là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 515 Bộ luật dân sự. Mặt khác do trong Biên bản nghiệm thu thanh toán không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán nên theo quy định tại Điều 519 Bộ luật dân sự thì bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ tại địa điểm thực hiện công việc khi hoàn thành dịch vụ, vì vậy kể từ ngày 30/4/2018, khi công việc được hoàn thành và hai bên lập Biên bản nghiệm thu thanh toán thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 518 Bộ luật dân sự. Riêng đối với khoản tiền lãi chậm trả mà phía nguyên đơn yêu cầu, tuy tại Biên bản nghiệm thu thanh toán hai bên không có thỏa thuận tính lãi chậm trả, cũng như không có thỏa thuận về mức lãi suất nhưng do phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn có quyền yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả như trên là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 357 và 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, xét các yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn như trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Th .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 468, 513; 514; 515; 518 và 519 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Th.

**1.** Buộc bị đơn là Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A có nghĩa vụ trả cho Doanh nghiệp tư nhân Th số tiền nợ gốc là 171.527.442 đồng và 37.015.622 đồng tiền lãi chậm trả tính đến ngày 08/7/2020, tổng cộng là 208.543.064 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **2. Về án phí:**

- Buộc bị đơn là Công ty TNHH xây dựng và Thương mại tổng hợp A phải chịu 10.427.153 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.288.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu tiền số 0003383 ngày 10/02/2020.

**3. Quyền kháng cáo:** nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2020), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đỗ Quốc Tân**